

NGHỊ QUYẾT**Về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh
Bình Phước giai đoạn 2017-2020**

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 - khóa IX về nông nghiệp, nông dân và nông thôn (Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 05/08/2008); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 – 2020), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**1. Kết quả đạt được**

- Lĩnh vực trồng trọt: Thời gian qua, lĩnh vực trồng trọt đã phát triển mạnh theo hướng chuyển dịch từ sản xuất truyền thống là nông hộ nhỏ lẻ sang hướng liên kết sản xuất quy mô lớn, các mô hình và hình thức liên kết sản xuất được phát triển nhân rộng. Đặc biệt, tỉnh đã từng bước đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, như: rau thủy canh, dưa lưới, cây ăn trái sản xuất theo hướng VietGAP,...

- Lĩnh vực chăn nuôi: phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghiệp, bán công nghiệp, đặc biệt là phát triển 2 loài vật nuôi chủ lực là heo, gà công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành chăn nuôi giai đoạn 2010 – 2015, đạt 10,5%/năm; giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng từ 9,5% năm 2010 tăng lên 11,87% năm 2016 trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh có 278 trang trại chăn nuôi tập trung, trong đó có 92 trang trại ứng dụng công nghệ cao (chiếm 33,09%). Đã từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển giao kỹ thuật trong chăn nuôi. Qua đó, ngành chăn nuôi đã góp phần giải quyết việc làm nông thôn, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

- Lĩnh vực chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Ngành chế biến luôn là khâu quan trọng nhất trong phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, các doanh nghiệp và các cơ sở chế biến ngày càng được đầu tư trang thiết bị nhằm nâng cao công suất, hạ giá thành chi phí chế biến sản phẩm. Sản phẩm chế biến của tỉnh chủ yếu là sản phẩm nhân hạt điều¹. Các cơ sở chế biến xử lý hạt điều thô bằng công nghệ hấp hơi nước bão hòa, một số ít cơ sở sử dụng công nghệ chao dầu để xử lý hạt và hầu hết các doanh nghiệp đã đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại trong khâu cắt tách vỏ cứng và bóc vỏ lụa nên giảm công lao động thủ công.

- Các mặt hàng nông sản sau thu hoạch chủ yếu tiêu thụ qua thương lái trung gian thu mua tại vườn hoặc bán sản phẩm cho cửa hàng, đại lý. Một số ít sản phẩm

¹ Hiện nay có 226 doanh nghiệp và 328 cơ sở chế biến điều, với công suất thiết kế khoảng 500.000 tấn/năm, tập trung chủ yếu trên địa bàn thị xã Phước Long và các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng và Phú Riềng

nông sản điều và hồ tiêu đã hình thành được các chuỗi liên kết nên sản phẩm được gom bán tập trung nhưng số lượng không nhiều so với tổng sản lượng nông sản toàn tỉnh. Tiêu thụ sản phẩm trong chăn nuôi chủ yếu là do thương lái thu mua, một số ít sản lượng như thịt heo, gà tham gia chuỗi giá trị tiêu thụ tại Thành Phố Hồ Chí Minh thông qua một số công ty trực tiếp hoặc trung gian.

- Phát triển kinh tế tập thể: Trong những năm qua, kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển, đang dần khẳng định vai trò, vị trí là một thành phần kinh tế không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 71 hợp tác xã nông nghiệp, Khu vực kinh tế hợp tác xã trong tỉnh đã có sự chuyên biến tích cực và có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các hợp tác xã hoạt động cơ bản đáp ứng được nhu cầu lợi ích của các thành viên trên cơ sở làm tốt khâu dịch vụ, hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

2. Hạn chế

- Tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt còn ở mức thấp, mới ứng dụng từng phần, chưa hoàn chỉnh chuỗi giá trị sản phẩm đối với từng loại cây trồng. Số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất trồng trọt còn rất hạn chế; việc tiếp cận nguồn tín dụng nông nghiệp còn hạn chế; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất; chính sách đặc thù cho một số cây trồng chủ lực chưa có; kết nối thương mại nhất là các nhà đầu tư lớn về lĩnh vực nông nghiệp còn rất ít.

- Quy hoạch vùng chăn nuôi chưa cụ thể; đầu tư sản xuất chăn nuôi chưa đồng bộ, trong tỉnh chưa có nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, chưa có lò mổ giết gia súc, gia cầm công nghiệp; việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi chủ yếu là của các công ty, tập đoàn chăn nuôi nước ngoài; sự liên kết hình thành sản xuất chăn nuôi theo chuỗi còn ít, chưa bền vững.

- Ngành chế biến nói chung, chế biến nhân hạt điều nói riêng cũng còn một số khó khăn nhất định như: Sản lượng điều của tỉnh chỉ đáp ứng gần 50% công suất thiết kế của các nhà máy chế biến trong khi đó sản lượng điều nhập khẩu chưa được quản lý chặt chẽ; các cơ sở chế biến không tham gia xuất khẩu trực tiếp mà thường chỉ thực hiện một số công đoạn trong chế biến rồi bán lại cho các công ty trung gian nên lợi nhuận chưa thu về triệt để; xuất khẩu chủ yếu ở dạng sản phẩm thô; các cơ sở chế biến điều nhỏ lẻ nhiều, rải rác gây khó khăn trong công tác giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Lĩnh vực kinh tế tập thể của tỉnh còn ở quy mô nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ công nghệ lạc hậu, thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường, thiếu cán bộ quản lý có năng lực. Hiện các hợp tác xã vẫn chưa phát huy đầy đủ tính ưu việt của hình thức kinh tế tập thể, chưa đủ sức hỗ trợ kinh tế hộ phát triển.

3. Nguyên nhân

- Do xuất phát điểm của nền kinh tế và khả năng đáp ứng của các nguồn lực cho nhu cầu chuyển đổi, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh còn thấp. Tư duy, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân về phát triển kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị

trường còn nhiều hạn chế. Trong những năm gần đây, thời tiết diễn biến bất thường gây ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Một số cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh chưa thực sự quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cho phát triển nông nghiệp của tỉnh, nhất là hướng tới nền sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Một bộ phận cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ ngành nông nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa được đào tạo bài bản, chính quy, khả năng thích ứng với xu hướng phát triển còn chậm đổi mới. Công tác quy hoạch ngành nông nghiệp còn chậm so với yêu cầu phát triển

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

1.1. Về trồng trọt: Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Phước theo hướng sản xuất nền nông nghiệp an toàn, với 100% diện tích trồng trọt (không tính cây cao su). Trong đó: nông nghiệp áp dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ đạt khoảng 15% diện tích, cụ thể:

- Hình thành 4 khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm: thị xã Đồng Xoài 01 khu diện tích 50ha, huyện Đồng Phú 01 khu 50 ha, huyện Lộc Ninh 01 khu diện tích 500ha và huyện Hớn Quản diện tích là 500ha.

- Hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất chế biến và tiêu thụ Điều theo hình thức hợp tác xã để sản xuất điều sạch và các tiêu chuẩn cao hơn như VietGAP, GlobalGAP... trên địa bàn huyện Bù Gia Mập với quy mô tối thiểu là 5.000 ha và chuỗi giá trị Điều hữu cơ khoảng 2.000ha trên địa bàn huyện Đồng Phú, Phú Riềng, Bù Đăng với Công ty Target Agriculture và các doanh nghiệp chế biến Điều trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chuỗi giá trị trồng ca cao xen điều khoảng 5.000ha trên địa bàn các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phước Long, Phú Riềng theo tiêu chuẩn VietGAP, GLobalGAP.

- Phấn đấu đến năm 2020 phát triển chuỗi cung ứng tiêu bền vững đạt trên 5.000 ha đạt tiêu chuẩn Rain Forest Alliance và tiêu chuẩn hữu cơ (organic).

- Sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao đạt diện tích khoảng 1.000ha, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn, sạch, VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn khác để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Có trên 4.500ha hồ tiêu (tương đương 30% diện tích theo quy hoạch), trên 1.500ha Cà cao xen điều (tương đương 10% diện tích theo quy hoạch), trên 2.000ha Cà phê xen điều, cây ăn quả (tương đương 10% diện tích theo quy hoạch) được tưới bằng phương pháp tưới tiết kiệm nước ứng dụng công nghệ cao.

1.2. Về chăn nuôi

- Đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất chăn nuôi theo hướng công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát huy lợi thế về vị trí, đất đai, khí hậu hình thành các khu vực chăn nuôi tập trung cung cấp thực phẩm cho các đô thị, khu công nghiệp và xuất khẩu trên cơ sở các chuỗi liên kết khép kín, chuỗi sản phẩm chăn nuôi an toàn từ sản xuất chăn nuôi đến tiêu dùng. Đến năm 2020 hình thành ít nhất 02 vùng chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao tại huyện Lộc Ninh, huyện Hớn Quản; 02 vùng chăn nuôi gà công nghệ cao tại

huyện Đồng Phú và xã Thanh Lương, Thanh Phú thị xã Bình Long, với quy mô từ 50 trang trại trở lên; tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh sau khi được hình thành thì thu hút được ít nhất 01 doanh nghiệp sản xuất chăn nuôi công nghệ cao đầu tư phát triển.

- Chuyển đổi, sắp xếp chăn nuôi theo hướng chăn nuôi an toàn, chăn nuôi công nghệ cao. Tỷ lệ chăn nuôi tập trung an toàn đạt 98% tổng đàn; 75% trang trại chăn nuôi có ứng dụng công nghệ cao; 100% trang trại đảm bảo an toàn không phát sinh dịch bệnh, an toàn về môi trường. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 15% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp của tỉnh.

- Phát triển chăn nuôi cùng với phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng nông thôn, hình thành được ít nhất 01 câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất chăn nuôi tại các xã nông thôn mới; tại mỗi huyện hình thành được mô hình chăn nuôi nông hộ kết hợp với trồng trọt, chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn nâng cao hiệu quả, thu nhập cho nông dân.

1.3. Về chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Phát triển thương hiệu sản phẩm, gắn với thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phấn đấu đạt 40% cơ sở chế biến hạt điều, cà phê áp dụng chương trình quản lý tiên tiến GMP, SSOP; ISO, HACCP,... trong quy trình sản xuất

- Nâng cao chất lượng, đa dạng sản phẩm và bao bì đóng gói tiện dụng, hấp dẫn người tiêu dùng; Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung – cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ tại các siêu thị, Trung tâm thương mại, nhà hàng, ...

- Liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp chế biến điều nhân thô với các doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất bánh kẹo có uy tín, thương hiệu trong và ngoài nước để nâng cao chuỗi giá trị của hạt Điều. Nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ cao trong chế biến sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

- Duy trì ổn định thị trường truyền thống (Trung Quốc, ASEAN...), từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường lớn như Nhật Bản, Châu Âu và thị trường Mỹ.

1.4. Về kinh tế tập thể

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về chương trình phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 nói chung và xây dựng phát triển hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, trong đó chú trọng tập trung xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của địa phương như: hạt điều, hạt tiêu, rau sạch công nghệ cao...Tiến hành xây dựng, triển khai dự án xây dựng thí điểm mô hình hợp tác xã cung ứng nông sản an toàn của tỉnh với 3 – 4 mô hình.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với mỗi loại cây trồng, vật nuôi và trên cơ sở đó hình thành các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

2.2. Về chính sách: Ngoài việc áp dụng trực tiếp các chính sách của trung ương và địa phương hiện có cần có thêm các chính sách như: (1) Chính sách về đất đai, tín dụng ưu đãi thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ

cao, nông nghiệp hữu cơ; (2) Chính sách về khoa học công nghệ; (3) Chính sách về xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông nghiệp sạch, có thương hiệu; (4) Chính sách về đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực công nghệ cao; (5) Các chính sách hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ và xuất khẩu sản phẩm nông sản; (6) chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất chuỗi sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu nông nghiệp công nghệ cao, trước mắt là tại khu nông nghiệp công nghệ cao Tân Thành, Đồng Xoài; (7) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ sáng tạo khoa học kỹ thuật được ứng dụng hiệu quả trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.3. Về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - Công nghệ

- Tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, chuyển giao công nghệ sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi.

- Tiến hành xây dựng và phổ biến các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ để có thể đưa vào phục vụ sản xuất.

- Tổ chức và hoàn thiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đã có và hiện đang triển khai trên thực tế tại các địa bàn

- Dành một khoản kinh phí hàng năm cho nghiên cứu (thực hiện các đề tài nghiên cứu) trong chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức tiếp nhận việc chuyển giao một số công nghệ cao từ nước ngoài phù hợp nếu có.

2.4. Phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu

- Khuyến khích trình diễn, chuyển giao cũng như tổ chức sản xuất các sản phẩm công nghệ cao.

- Tạo mối liên kết và quảng bá để thu hút các tổ chức, cá nhân quan tâm đến sản phẩm

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân xúc tiến thị trường bằng nhiều hình thức như tham gia hội nghị hội thảo, hội chợ ở nước ngoài, bước đầu hỗ trợ các doanh nghiệp, nông dân xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp

- Liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao thành vùng chuyên canh gắn với việc hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao đảm bảo số lượng sản phẩm đủ lớn để tìm kiếm cơ hội kết nối thương mại.

- Ngoài thương hiệu Hồ tiêu Lộc Ninh đã được công nhận cần tiếp tục xây dựng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nhằm mục đích nâng giá trị sản phẩm như: thương hiệu điều, thương hiệu cây ăn trái ...

- Phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đối với thị trường trong nước theo hướng hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm thông qua hoạt động của các doanh nghiệp, hiệp hội; tăng cường quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu; khai thác các thị trường tiềm năng để xuất khẩu

- Xây dựng chợ đầu mối nông sản; Xây dựng mối liên kết giữa các hợp tác xã với các siêu thị và hệ thống bán lẻ để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tăng cường phổ biến thông tin tuyên truyền để người dân tiếp cận

được công nghệ cao, kết quả ứng dụng công nghệ cao, các mô hình phát triển công nghệ cao và các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

2.5. Quản lý nhà nước và nguồn lực thực hiện:

Nâng cao công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, chú trọng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, thông tin dự báo sản xuất, chủ động ban hành chính sách, các quy định, quy chuẩn về sản xuất nông nghiệp, nâng cao công tác quản lý đầu vào sản xuất như: phân bón, giống, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y... và công tác quản lý đầu ra về sản phẩm nông nghiệp.

Có chế độ đãi ngộ, đào tạo phát huy nguồn nhân lực về nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực chẩn đoán, xét nghiệm, chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật của các trạm, trại trồng trọt, chăn nuôi thú y, khuyến nông; bổ sung, kiện toàn đội ngũ cán bộ nông nghiệp tại cấp xã đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Thành lập Ban chỉ đạo chương trình phát triển nông nghiệp an toàn, ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh, cấp huyện

Nâng cao đội ngũ cán bộ kỹ thuật làm tốt công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật chú trọng trong công tác đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho NNCNC để đội ngũ này đủ khả năng tiếp thu, vận hành tốt những công nghệ mới được chuyển giao.

2.6. Công tác tuyên truyền:

- Phối hợp với các địa phương phát hành các tài liệu về các nghiên cứu, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao đến với doanh nghiệp, nông dân và xây dựng chuyên mục giới thiệu nông sản, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao cần chuyển giao cũng như từ nhu cầu đặt hàng thực tế, chuyển tải trên các trang mạng liên quan.

- Phổ biến thông tin về khoa học công nghệ thông qua hội nghị, hội chợ, triển lãm,....

2.7. Hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế về trao đổi khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng sản phẩm mới về giống cây trồng, thuốc thú y, vắc xin, thông tin về tình hình dịch bệnh, phòng chống dịch bệnh qua biên giới, xúc tiến thương mại để tìm kiếm thị trường

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; các ban cán sự Đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể tỉnh phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân nội dung của nghị quyết, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết này.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Phước và các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh dành thời lượng, nội dung thích hợp để đẩy mạnh việc tuyên truyền về lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nội dung nghị quyết này tới toàn thể cán bộ, đảng viên

và nhân dân.

3. Giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh thực hiện cụ thể hóa Nghị quyết này gắn với các chương trình, đề án của tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và hướng tới những năm tiếp theo. Phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- BCS Đảng Bộ NN&PTNT;
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Các ban cán sự Đảng, đảng đoàn;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- LĐVPTU, phòng TH;
- Đăng website Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Nguyễn Văn Lợi